

BẢNG GIÁ

DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

(Áp dụng từ 01/11/2018)

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
HÀNG THÔNG THƯỜNG, BƯU KIẾN (BAO GỒM LỘ TRO CỐT)			
GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ			
• Giá xử lý hàng hóa cơ bản			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	60.500	60.500
○ Giá áp dụng	Kg	1.020	840
• Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận hàng theo yêu cầu của Hãng			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần		132.000
○ Giá áp dụng	Kg		1.160
• Giao hàng nhanh			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	132.000	
○ Giao hàng trong vòng 3 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	2.550	
○ Giao hàng từ sau 3 đến 6 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	2.260	
○ Giao hàng từ sau 6 đến 9 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	1.450	
GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA			
• Giá xử lý hàng hóa cơ bản			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	24.000	24.000
○ Giá áp dụng	Kg	270	270
• Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận hàng theo yêu cầu của Hãng			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần		92.500
○ Giá áp dụng	Kg		310
• Giao hàng trong vòng 2 giờ từ khi máy bay hạ cánh			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	92.500	
○ Giá áp dụng	Kg	310	
PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH			

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường		+ 10% giá theo loại hình dịch vụ	
Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ		+ 30% giá theo loại hình dịch vụ	

GIÁ LƯU KHO

Giá tối thiểu			
03 ngày đầu	KVĐ/lần	75.000	75.000
- Từ ngày thứ 04 trở đi	KVĐ/ngày/lần	25.000	25.000
Giá áp dụng			
3 ngày đầu	Kg/ngày	650	650
- Từ ngày thứ 4 đến hết ngày thứ 8	Kg/ngày	1.280	1.280
- Từ ngày thứ 9 trở đi	Kg/ngày	1.460	1.460

HÀNG GIÁ TRỊ CAO

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Giá tối thiểu	KVĐ/lần	1.100.000	1.100.000
Giá áp dụng	Kg	1.470	1.170

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA

Giá tối thiểu	KVĐ/lần	203.000	203.000
Giá áp dụng	Kg	600	600

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường		+ 10% giá theo loại hình dịch vụ	
Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ		+ 30% giá theo loại hình dịch vụ	

GIÁ LƯU KHO

Giá tối thiểu	KVĐ/ngày/lần	1.170.000	1.170.000
Giá áp dụng			
3 ngày đầu	Kg/ngày	7.000	7.000
- Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	12.900	12.900

HÀNG DỄ MẤT (VUN)

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
• Giá xử lý hàng hóa cơ bản			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	71.000	71.000
○ Giá áp dụng	Kg	1.280	1.070
• Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận hàng theo yêu cầu của Hãng			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần		132.000
○ Giá áp dụng	Kg		1.160
• Giao hàng nhanh			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	132.000	
○ Giao hàng trong vòng 3 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	2.550	
○ Giao hàng từ sau 3 đến 6 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	2.260	
○ Giao hàng từ sau 6 đến 9 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	1.450	

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA

• Giá xử lý hàng hóa cơ bản			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	68.000	68.000
○ Giá áp dụng	Kg	310	310
• Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận hàng theo yêu cầu của Hãng			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần		92.500
○ Giá áp dụng	Kg		310
• Giao hàng trong vòng 2 giờ từ khi máy bay hạ cánh			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	92.500	
○ Giá áp dụng	Kg	310	

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

• Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá theo loại hình dịch vụ
• Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ	+ 30% giá theo loại hình dịch vụ

GIÁ LƯU KHO

• Giá tối thiểu	KVĐ/lần	172.000	172.000
• Giá áp dụng			
○ 3 ngày đầu	Kg/ngày	770	770

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
○ Từ ngày thứ 4 đến hết ngày thứ 8	Kg/ngày	1.530	1.530
○ Từ ngày thứ 9 trở đi	Kg/ngày	1.670	1.670

HÀNG HOA QUẢ TƯƠI, ĐÔNG LẠNH, TƯƠI SỐNG

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ

• Giá xử lý hàng hóa cơ bản			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	71.000	71.000
○ Giá áp dụng	Kg	1.280	1.070
• Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận hàng theo yêu cầu của Hãng			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần		132.000
○ Giá áp dụng	Kg		1.160
• Giao hàng nhanh			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	132.000	
○ Giao hàng trong vòng 3 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	2.550	
○ Giao hàng từ sau 3 đến 6 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	2.260	
○ Giao hàng từ sau 6 đến 9 giờ từ khi máy bay hạ cánh	Kg	1.450	

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA

• Giá bốc xếp hàng hóa cơ bản			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	35.000	35.000
○ Giá áp dụng	Kg	290	290
• Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận hàng theo yêu cầu của Hãng			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần		92.500
○ Giá áp dụng	Kg		310
• Giao hàng trong vòng 2 giờ từ khi máy bay hạ cánh			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/lần	92.500	
○ Giá áp dụng	Kg	310	

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

• Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá theo loại hình dịch vụ
---	----------------------------------

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ		+ 30% giá theo loại hình dịch vụ	
GIÁ BẢO QUẢN LẠNH			
Giá tối thiểu	KVĐ/lần	230.000	230.000
Giá áp dụng	Kg/giờ	170	170

CÂY – CÀNH ĐÀO, MAI, QUẤT

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA

Giá tối thiểu	KVĐ/lần	45.000	45.000
Giá áp dụng	Kg	1.800	1.800

HÀNG ĐỘNG VẬT SỐNG

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Giá tối thiểu	KVĐ/lần	165.000	165.000
Giá áp dụng	Kg	1.280	1.070

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA

Giá tối thiểu	KVĐ/lần	92.000	92.000
Giá áp dụng	Kg	310	310

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá theo loại hình dịch vụ		
Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ	+ 30% giá theo loại hình dịch vụ		

GIÁ LƯU KHO

Giá tối thiểu	KVĐ/ngày/lần	240.000	240.000
Giá áp dụng			
3 ngày đầu	Kg/ngày	1.410	1.410
- Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	2.710	2.710

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
--	-------------	--------------------	--------------------

HÀNG NGUY HIỂM

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ

• Giá tối thiểu	KVĐ/lần	242.000	242.000
• Giá áp dụng	Kg	1.470	1.170

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA

• Giá tối thiểu	KVĐ/lần	92.000	92.000
• Giá áp dụng	Kg	310	310

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

• Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá theo loại hình dịch vụ
• Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ	+ 30% giá theo loại hình dịch vụ

GIÁ LƯU KHO

• Hàng nguy hiểm trừ vũ khí, chất nổ			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/ngày/lần	127.000	127.000
○ Giá áp dụng			
▪ 3 ngày đầu	Kg/ngày	1.990	1.990
▪ Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	3.920	3.920
• Vũ khí, chất nổ (không bị cấm hoặc có giấy phép sử dụng)			
○ Giá tối thiểu	KVĐ/ngày/lần	275.000	275.000
○ Giá áp dụng			
▪ 3 ngày đầu	Kg/ngày	4.430	4.430
▪ Từ ngày thứ 4 trở đi	Kg/ngày	8.730	8.730

HÀNG NẶNG, HÀNG QUÁ KHỔ

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ (KIỆN HÀNG TỪ 150 KG ĐẾN DƯỚI 7 TẤN)

• Giá áp dụng	Kg	1.200	1.050
---------------	----	-------	-------

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ (KIỆN HÀNG TỪ 7 TẤN TRỞ LÊN)

• Khách hàng sử dụng xe xúc nâng trọng tải 12 tấn của ACSV			
○ Giá áp dụng	Kg	1.700	1.600

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
Khách hàng sử dụng dịch vụ thuê phương tiện phục vụ khác trong trường hợp không sử dụng xe xúc nâng 12 tấn của ACSV.	Liên hệ để được cung cấp giá chính xác		
- Giao hàng nhanh - Giao hàng trong vòng 3 giờ từ khi máy bay hạ cánh - Giao hàng từ sau 3 đến 6 giờ từ khi máy bay hạ cánh - Giao hàng từ sau 6 đến 9 giờ từ khi máy bay hạ cánh - Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận theo yêu cầu của Hãng	Kg	2.550	
	Kg	2.260	
	Kg	1.450	
	Kg		1.160

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA (KIỆN HÀNG TỪ 150 KG ĐẾN DƯỚI 3.5 TẤN)

Giá xử lý hàng hóa cơ bản	Kg	310	310
- Tiếp nhận hàng sau giờ ngừng tiếp nhận hàng theo yêu cầu của Hãng - Giá tối thiểu - Giá áp dụng - Giao hàng trong vòng 2 giờ từ khi máy bay hạ cánh - Giá tối thiểu - Giá áp dụng	KVĐ/lần		92.500
	Kg		310
	KVĐ/lần	92.500	
	Kg	310	

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá theo loại hình dịch vụ		
Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kể tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ	+ 30% giá theo loại hình dịch vụ		

GIÁ LƯU KHO

3 ngày đầu	Kg/ngày	650	650
Từ ngày thứ 4 đến hết ngày thứ 8	Kg/ngày	1.280	1.280
Từ ngày thứ 9 trở đi	Kg/ngày	1.460	1.460

HÀNG QUAN TÀI (KHÔNG BAO GỒM LỘ TRO CỐT)

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Giá áp dụng	Chiếc	800.000	800.000
---	-------	---------	---------

GIÁ XỬ LÝ HÀNG HÓA NỘI ĐỊA

Giá áp dụng	Chiếc	340.000	340.000
---	-------	---------	---------

	ĐƠN VỊ TÍNH	HÀNG NHẬP (VND)	HÀNG XUẤT (VND)
--	-------------	--------------------	--------------------

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

• Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá theo loại hình dịch vụ
• Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ	+ 30% giá theo loại hình dịch vụ

DỊCH VỤ KHÁC

	GHI CHÚ	ĐƠN VỊ TÍNH	GIÁ ÁP DỤNG (VND)
• Dịch vụ xuất vận đơn hàng không		KVĐ	110.000
• Dịch vụ áp tải hàng từ máy bay vào kho hoặc ngược lại		KVĐ/lần	2.090.000
• Dịch vụ áp tải hàng từ khi tiếp nhận hàng đến khi lưu kho	Dịch vụ bắt đầu từ thời điểm đặt hàng lên bàn cân và qua máy soi	KVĐ/lần	1.000.000
• Dịch vụ áp tải hàng từ khi xuất hàng ra khỏi kho đến khi hoàn thành việc trả hàng cho khách		KVĐ/lần	1.000.000
• Dịch vụ thay đổi, chỉnh sửa thông tin trên KVĐ/booking		KVĐ/lần	70.000
• Dịch vụ chỉnh sửa/hủy phiếu xuất kho, hóa đơn và phiếu xác nhận sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng.		KVĐ/lần	55.000
• Dịch vụ thay đổi thông tin hồ sơ lô hàng (có thay đổi hãng vận chuyển)		KVĐ/lần	100.000
• Dịch vụ làm thủ tục hải quan cho hàng chuyển tải, hàng lặc tuyến		KVĐ/lần	500.000
• Dịch vụ kê khai, hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường hàng không	Không bao gồm lệ phí, thuế xuất khẩu theo quy định của hải quan	Bộ tờ khai	825.000
• Phát hàng lẻ và chấp nhận hàng xuất theo HAWB		KVĐ thứ cấp	250.000
• Dịch vụ phục vụ hàng lặc tuyến		KVĐ	2.000.000
• Dịch vụ bổ sung KVĐ thứ cấp		KVĐ thứ cấp	275.000
• Giá chất xếp lại			
○ Nguyên ULD		Kg	800
○ Một phần ULD			
▪ AKE/AKH		ULD	300.000

▪ Mâm trung	Chiều cao mâm $\leq 1,6$ m	ULD	500.000
▪ Mâm cao	Chiều cao mâm $> 1,6$ m	ULD	800.000
• Dịch vụ đóng lưới sắt cho mâm hàng			
○ Mâm cao	Chiều cao mâm $> 1,6$ m và $\leq 2,4$ m	ULD	1.200.000
○ Mâm thấp	Chiều cao mâm $\leq 1,6$ m	ULD	1.000.000
• Giá hủy hàng	+ 15% tiền dịch vụ trên tổng giá và/hoặc phí dịch vụ của các cơ quan, nhà chức trách quy định		

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

• Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá dịch vụ
• Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ	+ 30% giá dịch vụ

VẬT TƯ PHỤC VỤ CHUYỂN BAY

- Băng dính loại 5F160Ya

- Tấm nylon che hàng

- Ván gỗ khử trùng

- Pallet gỗ

- Ván gỗ dán
- Tấm lưới sắt
- Màng co

ĐƠN VỊ TÍNH	KÍCH THƯỚC (cm)	GIÁ BÁN TRƯỚC THUẾ (VND)
Cuộn		21.000
	500 × 600	150.000
Tấm	560 × 660	160.000
	600 × 800	180.000
Tấm	200 × 20 × 3	115.000
	100 × 20 × 3	94.000
	110 × 90 × 12	247.000
	120 × 90 × 15	299.000
	110 × 110 × 12	290.000
	120 × 110 × 15	312.000
Chiếc	145 × 110 × 8	300.000
	145 × 110 × 10	315.000
	145 × 110 × 12	330.000
	156 × 110 × 12	385.000
	156 × 110 × 15	385.000
Tấm	1,220 × 2,440 × 2	54.600
Tấm	100 × 195	100.000
Cuộn	Phi 50	134.000

- Thanh nẹp góc bằng giấy ép

Thanh

100 x 5 x 0.5

8.000